



jiāo zhì

胶质

noun · gelatinous substance; colloid

Example Sentences

Zhè zhǒng jiāo zhì hěn nián
这种胶质很黏。

This gelatinous substance is very sticky.

Hǎi zǎo zhōng hán yǒu fēng fù de jiāo zhì
海藻中含有丰富的胶质。

Seaweed contains abundant gelatinous substances.

Jiāo zhì zài shí pǐn zhōng cháng yòng zuò zēng chóu jì
胶质在食品中常用作增稠剂。

Colloids are often used as thickeners in food.

Trace each character, then write the word on your own.

胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶
胶	胶									
质	质	质	质	质	质	质	质	质	质	质